**BÀI 1: CẠNH TRANH TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG**

**Câu 1. Sự tranh đua giữa các chủ thể kinh tế nhằm có được những ưu thế trong sản xuất, tiêu thụ hàng hoá, qua đó thu được lợi ích tối đa thể hiện nội dung của khái niệm nào dưới đây?**

A. Cạnh tranh kinh tế.       B. Đấu tranh.

C. Sản xuất.       D. Kinh doanh.

**Câu 2.** **Mục đích cuối cùng của cạnh tranh là**

A. giành uy tín tuyệt đối cho doanh nghiệp mình. B. giành ảnh hưởng trong xã hội.

C. giành phục vụ lợi ích cho xã hội. D. giành lợi nhuận tối đa về mình

**Câu 3. Nội dung nào dưới đây là nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh trong kinh tế thị trường?**

A. Sự thay đổi cung - cầu. B. Sự tồn tại nhiều chủ sở hữu độc lập về kinh tế.

 C. Sự gia tăng sản xuất hàng hóa. D. Nguồn lao động dồi dào trong xã hội.

**Câu 4.** **Các chủ thể kinh tế không ngừng cạnh tranh về giá cả và chất lượng của sản phẩm đưa ra thị trường đối tượng hưởng lợi từ đó có thể là ai?**

A. Người đóng vai trò điều tiết trong nền kinh tế thị trường B. Người tiêu dùng

C. Người nhập các nguyên liệu sản xuất D. Các chủ thể kinh tế khác

**Câu 5.** **Vì sao các các chủ thể có cùng một mặt hàng trên thị trường lại có xu thế cạnh tranh quyết liệt hơn?**

A. Vì họ phải chia sẻ với nhau nguồn nguyên liệu, khách hàng, đầu ra sản phẩm

B. Vì họ có chung mục tiêu kinh doanh

C. Vì họ không muốn có các rủi ro trong quá trình kinh doanh

D. Vì cùng ngành nên các hình thức cạnh tranh lại vô cùng đa dạng

**Câu 6. Vì sao các hành vi cạnh tranh không lành mạnh lại cần bị phê phán và lên án?**

A. Vì các hành vi cạnh tranh không lành mạnh mang lại những ảnh hưởng tích cực cho đời sống xã hội

B. Vì có thể gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khác hoặc người tiêu dùng, tổn hại đến thị trường kinh doanh và tác động xấu đến đời sống xã hội

C. Mang lại những chuyển biến tích cực đến thị trường kinh doanh

D. Vì cạnh tranh không lành mạnh giúp kinh tế đất nước phát triển nhanh hơn.

**Câu 7.** **Nội dung nào dưới đây *không* phải là nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh?**

A. Có nhiều chủ sở hữu là những đơn vị kinh tế tự do sản xuất.

B. Lợi ích giữa các chủ thể trong sản xuất khác nhau.

C. Có nhiều giai cấp, tầng lớp trong xã hội xuất hiện.

D. Điều kiện sản xuất giữa các chủ thể kinh tế khác nhau.

**Câu 8. Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của cạnh tranh?**

A. Bảo vệ môi trường tự nhiên. B. Đa dạng hóa các quan hệ kinh tế.

C. Thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. D. Nâng cao chất lượng cuộc sống.

**Câu 9. Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của cạnh tranh?**

A. Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng B.Tích trữ hàng hóa để tăng giá

C. Đổi mới công nghệ sản xuất để giảm chi phí. D. Phân hóa giàu – nghèo

**Câu 10.** **Cạnh tranh không lành mạnh là gì?**

 A. Là những hành vi trái với quy định của pháp luật, không thiện chí, có tác động xấu đến đời sống xã hội.

 B. Là những hành vi cạnh tranh có chuẩn mực, không ảnh hưởng tới các doanh nghiệp trong nền kinh tế.

 C. Là hình thức cạnh tranh tạo được sự cọ xát giữa các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế thị trường

 D**.** Là những hành vi cạnh tranh đúng với quy định của pháp luật.

**Câu 11.** **Đối với các hành vi cạnh tranh không lành mạnh chúng ta cần có thái độ như thế nào?**

A. Cần phê pháp, lên án và ngăn chặn B.Tích cực học hỏi

C. Không cần để ý đến các hành động kinh doanh không đúng đắn . D. Khuyến khích

**Câu 12.** **Trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh đóng vai trò là**

A. xu hướng kinh tế. B. động lực kinh tế.

C. cơ sở kinh tế. D. nền tảng kinh tế.

**Câu 13.** **Nội dung nào dưới đây *không* thể vai trò của cạnh tranh?**

A. Ứng dụng kĩ thuật công nghệ . B.Nâng cao trình độ tay nghề.

C. Triệt tiêu các doanh nghiệp cùng ngành. D. Phân bổ linh hoạt các nguồn lực.

**Câu 14. Hành vi nào dưới đây *không* phải là biểu hiện của cạnh tranh không lành mạnh?**

A. Dùng thực phẩm bẩn để chế biến thức ăn.

B. Xả chất thải sản xuất không xử lí ra môi trường.

C. Bán hàng không hóa đơn chứng từ.

D. Đầu tư náy móc và công nghệ sản xuất hiện đại.

**Câu 15.** **Trong sản xuất kinh doanh yếu tố nào dưới đây là cơ sở để phân biệt cạnh tranh lành mạnh hoặc không lành mạnh?**

A. Thực hiện đúng quy định của pháp luật.

B.Thực hiện đúng phương châm kinh doanh.

C. Xem khách hàng là “thượng đế”. D. Đặt yếu tố lợi nhuận lên hàng đầu.

**Câu 16**. **Trong các việc làm sau, việc làm nào được pháp luật cho phép trong cạnh tranh?**

**A.** Khai báo không đúng mặt hàng kinh doanh.

**B.** Bỏ qua yếu tố môi trường trong quá trình sản xuất.

**C.** Đầu cơ tích trữ để nâng giá cao. **D.** Bỏ nhiều vốn để đầu tư sản xuất.

**Câu 17.** **Ý kiến nào sau đây là đúng khi nói về cạnh tranh?**

A. Cạnh tranh chỉ diễn ra giữa những người cùng bán một loại hàng hóa nào đó

B. Cạnh tranh lành mạnh là tìm được cách làm cho đối thủ của mình không có chỗ đứng trên thị trường

C. Muốn cạnh tranh lành mạnh trước hết, cần phải tôn trọng đối thủ

D. Cạnh tranh chỉ diễn ra ở nơi có nền kinh tế thị trường phát tri

**Câu 18**. **Công ty may mặc P đã nhập các thiết bị may mặc hiện đại với công suất làm việc đáng kinh ngạc để áp dụng cho công nhân trong công xưởng sử dụng. Việc làm của công ty P thể hiện vai trò nào trong cạnh tranh?**

A. Nâng cao trình độ người lao động. B. Thay đổi hình thức kinh doanh mới

C. Ứng dụng kĩ thuật công nghệ trong sản xuất. D. Phân bổ linh hoạt các nguồn lực.

**Câu 19.** **“Doanh nghiệp của anh H tổ chức các đợt tập huấn nâng cao tay nghề cho nhân viên định kì”, theo em cạnh tranh có vai trò như thế nào trong trường hợp trên?**

A.Cạnh tranh giúp nâng cao trình độ người lao động

B.Cạnh tranh giúp phân bổ linh hoạt các nguồn lực của chủ thể kinh tế

C.Cạnh tranh giúp nâng cao chất lượng sản phẩm

D.Cạnh tranh khiến doanh nghiệp phải bổ sung các trang thiết bị hiện đại để nâng cao năng suất .

**Câu 20.** **Do nhu cầu về bánh trung thu của người tiêu dùng tăng lên vào dịp tết trung thu nên anh K đã đầu tư vào sản xuất bánh trung thu để bán, còn chị T thì thu mua bánh trung thu kém chất lượng và bán với giá rất rẻ. Gần đó, ông H và anh D cũng hùn vốn để thu mua hết tất cả bánh trung thu của các cửa hàng nhưng không bán ra thị trường mà để trong nhà chờ giá cao mới bán. Theo em, ai đã có hành vi cạnh tranh không lành mạnh?**

**A.** Anh K, ông H và anh D **B.** Ông H và anh D

**C.** Anh K và chị T. **D.** Ông H, anh D và chị T.

**Câu 21.** **Anh D và anh G cùng kinh doanh mặt hàng gas tại địa bàn thị trấn X. Cho rằng việc anh D thường xuyên khuyến mãi, tiếp thị sản phẩm, và nhận sửa chữa bếp gas miễn phí cho khách hàng mua gas của mình là hành vi cố tình tranh giành và câu khách của mình nên anh G đã thuê anh T một đối tượng xã hội đen trong vùng đến đập phá đe dọa và uy hiếp những gia đình đã mua hàng của anh D, đồng thời nhập gas từ chỗ anh H với giá rẻ hơn các cơ sở khác do anh H mua được một số lượng lớn vỏ bình ga đã qua sử dụng về cải tạo và tự sang chiết gas. Trong trường hợp này những ai đã có hành vi cạnh tranh không lành mạnh?**

**A.** Anh G và anh H. **B.** Anh D và anh T.

**C.** Anh D và anh G. **D.** Anh G, anh H và anh T.

**BÀI 2: CUNG CẦU TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG**

**Câu 22.** **Vì sao nhà nước phải đưa ra phương pháp và chính sách để bình ổn thị trường?**

**A.** Để khuyến khích cung tăng trường mạnh B. Ép cho cầu phải hạ xuống

**C.** Để giá cả của hàng hóa, dịch vụ không bị đẩy lên quá cao

**D.** Giúp cho cung và cầu không bị đẩy lên quá cao

**Câu 23.** **Việc nắm bắt được tình hình của thị trường sẽ đem đến lợi ích gì cho nhà sản xuất?**

**A.** Tạo ra nguồn hàng ổn định cung ứng ra thị trường

B. Có được nguồn khách hàng tiềm năng

C. Có thể duy trì và thay đổi thích hợp để đạt được lợi nhuận tối đa, tránh được các thua lỗ không đáng có

D. Sản xuất ra quá nhiều hàng hóa, làm lượng hàng tồn kho quá nhiều

**Câu 24.** **Sau ảnh hưởng của dịch bệnh, hiện tại số hộ nuôi lợn ở xã M còn lại rất ít, vì thế nên con giống lợn con vì thế cũng giảm theo, đến khi thị trường thịt lớn lại tăng trưởng trở lại khiến cho các hộ gia đình lại tiếp tục tái đàn, nhưng do số lượng lợn giống còn lại khá hạn chế nên giá cả cũng rất đắt đỏ. Theo em, việc người chăn nuôi ở thời điểm hiện tại có nên tái đàn ồ ạt không?**

A. Các hộ gia đình nên tái đàn và nuôi lợn lớn thật nhanh để có thể năm bắt được mức giá đắt như hiện tại

B. Các hộ gia đình không nên tái đàn ồ ạt vì nếu tái đàn ồ ạt có thể là cho tình trạng cung vượt cầu thì sẽ dẫn đến việc giá thành thịt lợn thành phẩm sẽ bị trượt giá sâu

C. Việc các hộ chăn nuôi tái đàn là không cần thiết vì nếu tái đàn số tiền bỏ ra mua con giống sẽ rất đắt đỏ

D. Việc tái đàn ở thời điểm giá lợn đang tăng cao sẽ mang đến nhiều nguồn thu nhập cho người dân

**Câu 25.** **Lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng sẵn sàng mua với một mức giá nhất định trong một khoảng thời gian xác định được gọi là**

**A**. độc quyền. **B**. cung **C**. cầu. **D**. sản xuất

**Câu 26. Lượng hàng hóa, dịch vụ mà nhà cung cấp sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu của thị trường với mức giá được xác định trong khoảng thời gian nhất định được gọi là**

 A. độc quyền. **B**. cung **C**. cầu. **D**. sản xuất

**Câu 27.** **Lượng cung chịu ảnh hưởng bởi nhân tố nào dưới đây?**

**A.** Thu nhập, thị hiếu, sở thích của người tiêu dùng.

**B.** Giá cả những hàng hóa, dịch vụ thay thế.

**C.** Kì vọng, dự đoán của người tiêu dùng về hàng hóa.

**D.** Giá cả các yếu tố đầu vào để sản xuất ra hàng hóa

**Câu 28.** **Lượng cầu chịu ảnh hưởng bởi nhân tố nào dưới đây?**

**A.** Thu nhập, thị hiếu, sở thích của người tiêu dùng.

**B**. Kì vọng của chủ thể sản xuất kinh doanh

**C.** Số lượng người tham gia cung ứng

**D.** Giá cả các yếu tố đầu vào để sản xuất ra hàng hóa

**Câu 29.** **Cung – cầu có quan hệ như thế nào trong nền kinh tế thị trường?**

**A**. Cung và cầu là hai phạm trù không liên quan tới nhau

**B**. Cung và cầu có quan hệ chặt chẽ, tác động, quy định lẫn nhau

C. Chỉ có các yếu tố của cầu tác động lên cung **D**. Chỉ có cung tác động lên cầu

**Câu 30. Trong quan hệ cung cầu, những hàng hóa dịch vụ được cung ứng phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng sẽ được ưa thích thì cầu thường**

**A.** tăng lên **B.** tự triệt tiêu.

**C.** giảm xuống **D.** luôn giữ nguyên.

**Câu 31. Trong nền kinh tế thị trường, khi cung lớn hơn cầu sẽ dẫn đến giá**

**A**. tăng. **B**. giữ nguyên. **C**. giảm. **D**. ổn định.

**Câu 32. Trong nền kinh tế thị trường, khi cung nhỏ hơn cầu sẽ dẫn đến giá**

 **A**. tăng. **B**. giữ nguyên. **C**. giảm. **D**. ổn định.

**Câu 33. Trong nền kinh tế thị trường, khi cung lớn hơn cầu, giá cả giảm, các doanh nghiệp thường**

 **A**. thu hẹp quy mô sản xuất. **B**. đồng loạt tăng giá sản phẩm.

 **C**. mở rộng quy mô sản xuất. **D**. đồng loạt tuyển dụng công nhân.

**Câu 34.** **Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, người tiêu dùng nên mua hàng hóa, dịch vụ khi**

**A**. cung lớn hơn cầu, giá cả giảm. **B**. cung lớn hơn cầu, giá cả tăng.

**C**. cung nhỏ hơn cầu, giá cả tăng. **D**. cung nhỏ hơn cầu, giá cả giảm

**Câu 35.** **Trong nền kinh tế thị trường, quan hệ cung cầu có vai trò như thế nào đối với chủ thể sản xuất kinh doanh?**

**A**. Là căn cứ để lựa chọn việc mua hàng hóa phù hợp.

 **B**. Là cơ sở để đưa ra các biện pháp, chính sách cân đối cung cầu.

**C**. Là cơ sở để đưa ra phương án mở rộng hoặc thu hẹp sản xuất.

D. Là cơ sở để đưa ra các biện pháp, chính sách bình ổn thị trường.

**Câu 36.** Nếu một doanh nghiệp sản xuất quá nhiều hàng hóa mà không tính toán đến lượng cầu của người tiêu dùng có thể dẫn tới điều gì?

A. Doanh nghiệp có thể bán hết số hàng hóa với giá cao

B. Tạo được ra nguồn cầu về mặt hàng đó tăng mạnh

C. Có thể không tiêu thụ được hết số hàng hóa mà doanh nghiệp cung ứng ra thị trường

D. Thu được nhiều lợi nhuận vì bán được nhiều hàng.

**Câu 37.** **Trong nền kinh tế thị trường, quan hệ cung cầu có vai trò như thế nào đối với chủ thể tiêu dùng?**

**A.** Là căn cứ để lựa chọn việc mua hàng hóa phù hợp.

**B**. Là cơ sở để đưa ra các biện pháp, chính sách cân đối cung cầu.

**C**. Là tác nhân trực tiếp khiến giá cả thường xuyên biến động.

**D**. Là cơ sở để đưa ra các biện pháp, chính sách bình ổn thị trường.

**Câu 38.** **Trong nền kinh tế thị trường, quan hệ cung cầu có vai trò như thế nào đối với chủ thể nhà nước?**

 **A**. Là căn cứ để lựa chọn việc mua hàng hóa phù hợp.

 **B**. Là căn cứ để quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất .

**C**. Là tác nhân trực tiếp khiến giá cả thường xuyên biến động.

**D**. Là cơ sở để đưa ra các biện pháp, chính sách bình ổn thị trường.

**Câu 39.** **Lượng cầu** *không* **chịu ảnh hưởng bởi nhân tố nào dưới đây?**

**A.** Thu nhập, thị hiếu, sở thích của người tiêu dùng.

**B.** Giá cả những hàng hóa, dịch vụ thay thế.

**C.** Kì vọng, dự đoán của người tiêu dùng về hàng hóa.

**D.** Giá cả các yếu tố đầu vào để sản xuất ra hàng hóa

**Câu 40.** **Trong nền kinh tế thị trường, doanh nghiệp A quyết định mở rộng sản xuất, kinh doanh trong trường hợp nào dưới đây?**

**A.** Cung tăng. **B.** Cung < cầu. **C.** Cung = cầu. **D.** Cung > cầu.

**Câu 41.** **Khi đại dịch viêm đường hô hấp cấp chủng mới Covid – 19 xuất hiện. Bộ Y tế khuyến cáo mọi người dân nên đeo khẩu trang để bảo vệ mình và cộng đồng nên nhu cầu về khẩu trang tăng cao. Doanh nghiệp A đã mở rộng sản xuất để đáp ứng kịp thời sức mua của người dân. Doanh nghiệp A đã vận dụng vai trò nào dưới đây của quan hệ cung cầu?**

**A.** Cung nhỏ hơn cầu, thu hẹp sản xuất . **B.** Cung nhỏ hơn cầu, mở rộng sản xuất .

**C.** Cung lớn hơn cầu, mở rộng sản xuất . **D.** Cung lớn hơn cầu, thu hẹp sản xuất .

**BÀI 3. LẠM PHÁT**

**Câu 42. Sự tăng mức giá chung các hàng hóa, dịch vụ của nền kinh tế (thường tính bằng chỉ số giá tiêu dùng CPI) một cách liên tục trong một thời gian nhất định được gọi là**

**A**. tăng trưởng. **B.** lạm phát. **C.** khủng hoảng. **D.** suy thoái.

**Câu 43. Căn cứ vào tỉ lệ, có thể chia lạm phát thành mấy loại hình?**

**A.** 2 loại hình. **B.** 3 loại hình. **C.** 4 loại hình. **D.** 5 loại hình.

**Câu 44. Căn cứ vào tỉ lệ lạm phát, mức độ tăng của giá cả ở hai con số trở lên hằng năm (10% £ CPI < 1.000%) được gọi là tình trạng**

A. lạm phát vừa phải. **B.** lạm phát phi mã.

**C**. siêu lạm phát. **D**. lạm phát nghiêm trọng.

**Câu 45. Tình trạng lạm phát vừa phải được xác định khi**

**A.** mức độ tăng của giá cả ở một con số hằng năm (0% < CPI <10%).

**B.** đồng tiền mất giá nghiêm trọng, nền kinh tế rơi vào trạng thái khủng hoảng.

**C**. mức độ tăng của giá cả ở hai con số trở lên hằng năm (10% £ CPI < 1000%).

**D**. giá cả tăng lên với tốc độ nhanh, đồng tiền mất giá nghiêm trọng (1000% £ CPI).

**Câu 46. Đọc thông tin sau và trả lời câu hỏi:**

*Thông tin.*Ở Việt Nam, cuối năm 2010, lạm phát 2 con số kéo dài 13 tháng đến tháng 10 năm 2021 khiến CPI tăng 11,75% năm 2010 và 18,3% năm 2011.

**Câu hỏi:**Xác định tình trạng lạm phát ở Việt Nam trong giai đoạn 2010 - 2011.

**A.** Lạm phát vừa phải. **B.** Lạm phát phi mã.

**C.** Siêu lạm phát. **D.** Lạm phát nghiêm trọng.

**Câu 47. Nội dung nào sau đây***không***phản ánh đúng nguyên nhân dẫn đến lạm phát?**

**A.** Chi phí sản xuất tăng cao. **B.** Tổng cầu của nền kinh tế tăng.

**C.** Giá cả nguyên liệu, nhân công, thuế,… giảm.

**D.** Lượng tiền trong lưu thông vượt quá mức cần thiết.

**Câu 48. Xác định nguyên nhân dẫn đến lạm phát trong thông tin sau:**

***Thông tin.*** Nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn và ngày càng có quan hệ sâu rộng với các nền kinh tế trên thế giới nên biến động giá cả hàng hoá trên thế giới có tác động nhất định đến giá cả và lạm phát trong nước, tăng trưởng kinh tế phụ thuộc vào tổng cầu của bên ngoài. Trong ba tháng cuối năm 2022, kinh tế trong nước có khả năng phục hồi mạnh mẽ hơn, áp lực lạm phát sẽ tiếp tục xu hướng tăng dần khi giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào trên thế giới và giá sản xuất trong nước đang ngày càng tăng cao.

**A.** Chi phí sản xuất tăng cao. **B.** Tổng cầu của nền kinh tế tăng

**C.** Giá cả nguyên liệu, nhân công, thuế,… giảm.

**D.** Lượng tiền trong lưu thông vượt quá mức cần thiết.

**Câu 49. Nội dung nào sau đây***không***phản ánh đúng hậu quả của lạm phát tới đời sống kinh tế và xã hội?**

**A.** Giảm quy mô đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

**B.** Giá cả hàng hóa cao làm cho mức sống của người dân giảm sút.

**C.** Đồng tiền mất giá nghiêm trọng, gây thiệt hại cho người đi vay vốn.

**D.** Lạm phát cao, kéo dài có thể gây khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội.

**Câu 50. Nhận định nào sau đây đúng khi bàn về vấn đề lạm phát?**

**A.** Giá cả một vài hàng hóa tăng chứng tỏ nền kinh tế đang lạm phát.

**B.** Trong thời kì lạm phát tăng cao, người gửi tiền tiết kiệm sẽ bị thiệt.

**C.** Tình trạng lạm phát luôn tác động tiêu cực đến nền kinh tế đất nước.

**D.** Tình trạng lạm phát không ảnh hưởng gì đến đời sống của người dân.

**BÀI 4: THẤT NGHIỆP**

**Câu 51.** **Vì sao hiện nay tình trạng thất nghiệp ở người trong độ tuổi lao động lại tăng cao?**

A. Vì hiện nay hầu hết giới trẻ có xu hướng ham chơi lười làm

B. Vì hiện nay thị trường lao động đang không ngừng biến đổi, do người lao động chưa đáp ứng được với các yêu cầu mà công việc đề ra, kì vọng vào công việc hoàn mỹ,…

C. Các cơ sở sản xuất đang không ngừng mở rộng vốn đầu tư kinh doanh

D. Vì xu hướng dân số già.

**Câu 52.** **Lao động bị thất nghiệp do không đáp ứng được với yêu cầu mà công việc đề ra là hình thức thất nghiệp nào?**

A. Thất nghiệp cơ cấu B. Thất nghiệp tạm thời

C. Thất nghiệp không tự nguyện D. Thất nghiệp tự nhiên

**Câu 53.** **Em hãy cho biết người trong trường hợp sau đây thuộc tình trạng thất nghiệp nào** **“Người không đi làm do tập trung giải quyết việc gia đình”?**

A. Thất nghiệp tự nhiên B. Thất nghiệp tạm thời

C. Thất nghiệp tự nguyện D. Thất nghiệp không tự nguyện

**Câu 54.** **Mới đây xã hội chứng kiến sự ra đời của một công nghệ mới Chat GPT, ứng dụng AI thế hệ mới giúp con người tìm kiếm thông tin, thực hiện các tác vụ một nhanh chóng. Trước sự đón nhận của nhiều người dân thì những người đang làm việc thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin lại tỏ ra không ít lo lắng. Chị P là một Tester manual đang lo lắng công việc của mình sẽ không còn cần thiết nữa nếu ứng dụng Chat GPT được ứng dụng rộng rãi. Theo em, làm thế nào để chúng ta có thể làm việc và thích ứng được với sự phát triển của công nghệ hiện đại?**

A. Không bổ sung thêm các thông tin cần thiết cho công việc

B. Tìm hiểu về các công nghệ mới, nâng cao kĩ năng nghiệp vụ của bản thân dể thích ứng được với sự thay đổi của thị trường lao động

C. Không quan tâm đến các ứng dụng mới, chỉ cần mình thực hiện tốt các kĩ năng nghề nghiệp là đủ

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng

**Câu 55. Nguyên nhân khách quan có thể gây ra tình trạng thất nghiệp là gì?**

A. Do bị kỉ luật bởi công ty đang theo làm

B. Do tình hình kinh doanh của công ty đang theo làm bị thua lỗ đóng cửa

C. Do thiếu kĩ năng chuyên môn, không đáp ứng được những yêu cầu mà công việc đề ra

D. Do sự không hài lòng với công việc mà mình đang có

**Câu 56. Tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được việc làm được gọi là**

**A**. thất nghiệp. **B.** sa thải. **C.** giải nghệ. **D.** bỏ việc.

**Câu 57. Tình trạng thất nghiệp xuất hiện khi người lao động thay đổi công việc hoặc chỗ ở,… chưa tìm được việc làm mới được gọi là**

**A.** thất nghiệp tạm thời. **B.** thất nghiệp cơ cấu.

**C.** thất nghiệp chu kì. **D.** thất nghiệp tự nguyện.

**Câu 58. Tình trạng thất nghiệp xảy ra do người lao động mong muốn làm việc nhưng không thể tìm kiếm được việc làm được gọi là**

**A.** thất nghiệp tự nguyện. **B**. thất nghiệp không tự nguyện.

**C.** thất nghiệp cơ cấu. **D.** thất nghiệp tạm thời.

**Câu 59. Xác định loại hình thất nghiệp được đề cập đến trong trường hợp sau:**

***Trường hợp.***Ông B không đáp ứng được yêu cầu của việc làm mới khi doanh nghiệp chuyển đổi sang quy trình sản xuất hiện đại nên phải nghỉ việc.

**A.** Thất nghiệp tạm thời. **B.** Thất nghiệp cơ cấu.

**C.** Thất nghiệp chu kì. **D.** Thất nghiệp tự nguyện.

**Câu 60. Tình trạng thất nghiệp để lại hậu quả như thế nào đối với mỗi cá nhân?**

**A.** Thu nhập giảm hoặc không có, đời sống gặp nhiều khó khăn.

**B.** Lợi nhuận giảm hoặc thua lỗ, buộc phải thu hẹp quy mô sản xuất.

**C.** Lãng phí nguồn lực, làm cho nền kinh tế rơi vào tình trạng suy thoái.

**D.** Phát sinh nhiều tệ nạn xã hội; trật tự, an ninh xã hội không ổn định.

**Câu 61. Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng nguyên nhân chủ quan dẫn đến tình trạng thất nghiệp?**

A. Sự mất cân đối giữa lượng cung và cầu trên thị trường lao động.

B. Người lao động thiếu chuyên môn, nghiệp vụ và kĩ năng làm việc.

C. Nền kinh tế suy thoái nên các doanh nghiệp thu hẹp quy mô sản xuất.

D. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch nên đặt ra yêu cầu mới về chất lượng lao động.

**Câu 62. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng nguyên nhân khách quan dẫn đến tình trạng thất nghiệp?**

A. Người lao động thiếu kĩ năng làm việc.

B. Người lao động bị sa thải do vi phạm kỉ luật.

C. Tự thôi việc do không hài lòng với công việc đang có.

D. Sự mất cân đối giữa cung và cầu trên thị trường lao động.

**Câu 63. Tình trạng thất nghiệp để lại hậu quả như thế nào đối với nền kinh tế?**

A. Thu nhập giảm hoặc không có, đời sống gặp nhiều khó khăn.

B. Lợi nhuận giảm hoặc thua lỗ, buộc phải thu hẹp quy mô sản xuất.

C. Lãng phí nguồn lực, làm cho nền kinh tế rơi vào tình trạng suy thoái.

D. Phát sinh nhiều tệ nạn xã hội; trật tự, an ninh xã hội không ổn định.

**Câu 64. Tình trạng thất nghiệp để lại hậu quả như thế nào đối với xã hội?**

A. Thu nhập giảm hoặc không có, đời sống gặp nhiều khó khăn.

B. Lợi nhuận giảm hoặc thua lỗ, buộc phải thu hẹp quy mô sản xuất.

C. Lãng phí nguồn lực, làm cho nền kinh tế rơi vào tình trạng suy thoái.

D. Phát sinh nhiều tệ nạn xã hội; trật tự, an ninh xã hội không ổn định.

**BÀI 6: Ý TƯỞNG, CƠ HỘI KINH DOANH VÀ CÁC NĂNG LỰC CẦN THIẾT CỦA NGƯỜI KINH DOANH**

**Câu 65. Những suy nghĩ, hành động sáng tạo, có tính khả thi, có thể đem lại lợi nhuận trong kinh doanh được gọi là**

**A.** ý tưởng kinh doanh. **B.** lợi thế nội tại.

**C**. cơ hội kinh doanh. **D.** cơ hội bên ngoài.

**Câu 66. Ý tưởng kinh doanh thường được chia thành 2 dạng, là:**

**A.** ý tưởng kinh doanh cải tiến và ý tưởng kinh doanh mới.

**B.** ý tưởng kinh doanh khả thi và ý tưởng kinh doanh không khả thi.

**C.** ý tưởng kinh doanh trong quá khứ và ý tưởng kinh doanh hiện tại.

**D.** ý tưởng kinh doanh hữu dụng và ý tưởng kinh doanh không hữu dụng.

**Câu 67. Có nhiều dấu hiệu nhận diện một ý tưởng kinh doanh tốt,***ngoại trừ***dấu hiệu nào dưới đây?**

**A.** Tính vượt trội. **B.** Lợi thế cạnh tranh.

**C.** Tính mới mẻ, độc đáo. **D.** Tính trừu tượng, phi thực tế.

**Câu 68. Nhận định nào dưới đây là sai khi nói về một ý tưởng kinh doanh tốt?**

**A.** Có tính vượt trội. **B.** Có tính mới mẻ, độc đáo.

**C.** Không có tính khả thi. **D**. Có lợi thế cạnh tranh.

**Câu 69. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng lợi thế nội tại giúp hình thành ý tưởng kinh doanh?**

A. Chính sách vĩ mô của nhà nước. B. Nhu cầu sản phẩm trên thị trường.

C. Lợi thế về nguồn cung ứng sản phẩm. D. Đam mê, hiểu biết của chủ thể kinh doanh.

**Câu 70. Trong các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh dưới đây, yếu tố nào không thuộc về cơ hội bên ngoài của các chủ thể sản xuất kinh doanh?**

A. Nhu cầu của thị trường. B. Sự cạnh tranh giữa các chủ thể.

C. Khả năng huy động các nguồn lực. D. Chính sách vĩ mô của nhà nước.

**Câu 71. Các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh của chủ thể sản xuất kinh doanh xuất phát từ**

A. lợi thế nội tại và cơ hội bên ngoài. B. điểm yếu nội tại và khó khăn bên ngoài

C. những mâu thuẫn của chủ thể sản xuất kinh doanh.

D. những khó khăn nội tại của chủ thể sản xuất kinh doanh.

**Câu 72. Đọc trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi:**

**Trường hợp.**Anh V là người lập kế hoạch kinh doanh, biết tổ chức nguồn lực, phối hợp công việc nhịp nhàng để đội ngũ nhân lực phát huy hết hiệu quả, tính sáng tạo trong kinh doanh.

**Câu hỏi:**Theo em, nhận định trên nói về năng lực nào của anh V?

A. Năng lực nắm bắt cơ hội. B. Năng lực tổ chức, lãnh đạo.

C. Năng lực phân tích và sáng tạo. D. Năng lực thực hiện trách nhiệm xã hội.

**Câu 73. Có kiến thức, kĩ năng về ngành nghề/ lĩnh vực kinh doanh - đó là biểu hiện cho năng lực nào của người kinh doanh?**

A. Năng lực thực hiện trách nhiệm với xã hội. B. Năng lực chuyên môn.

C. Năng lực định hướng chiến lược. D. Năng lực nắm bắt cơ hội.

**Câu 74. Biết đánh giá cơ hội kinh doanh, lựa chọn và chớp cơ hội kinh doanh - đó là biểu hiện cho năng lực nào của người kinh doanh?**

A. Năng lực thực hiện trách nhiệm với xã hội. B. Năng lực chuyên môn.

C. Năng lực định hướng chiến lược. D. Năng lực nắm bắt cơ hội

**Câu 75. Việc làm của chị M trong trường hợp dới đây đã thể hiện năng lực nào của chủ thể kinh doanh?**

**Trường hợp.** Biết tin công ty đối thủ đang gây ra tai tiếng vì chất lượng sản phẩm không đảm bảo, chị M tận dụng cơ hội để mở rộng thị phần.

**Câu hỏi:**Theo em, việc làm trên thể hiện năng lực gì của chị Q?

A. Năng lực nắm bắt cơ hội. B. Năng lực giao tiếp, hợp tác.

C. Năng lực tổ chức, lãnh đạo. D. Năng lực thiết lập quan hệ

**Câu 76. Sự khéo léo, chủ động trong giao tiếp, đàm phán; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc; giải quyết hài hoà các mối quan hệ bên trong và bên ngoài liên quan đến công việc kinh doanh - đó là biểu hiện cho năng lực nào của người kinh doanh?**

A. Năng lực thiết lập quan hệ. B. Năng lực tổ chức, lãnh đạo.

C. Năng lực cá nhân. D. Năng lực phân tích và sáng tạo.

**Câu 77. Biết tạo ra sự khác biệt trong ý tưởng kinh doanh, phân tích được cơ hội và thách thức trong công việc kinh doanh của bản thân - đó là biểu hiện cho năng lực nào của người kinh doanh?**

A. Năng lực thiết lập quan hệ. B. Năng lực tổ chức, lãnh đạo.

C. Năng lực cá nhân. D. Năng lực phân tích và sáng tạo.

**Câu 78. Có kế hoạch kinh doanh rõ ràng, biết xác định mục tiêu ngắn hạn, dài hạn - đó là biểu hiện cho năng lực nào của người kinh doanh?**

A. Năng lực thực hiện trách nhiệm với xã hội. B. Năng lực chuyên môn.

C. Năng lực định hướng chiến lược. D. Năng lực nắm bắt cơ hội.

**Câu 79.** **Ý tưởng kinh doanh giúp chủ kinh doanh định hướng được việc kinh doanh của mình như thế nào?**

A. Từ ý tưởng kinh doanh chỉ xác định được đối tượng khách hàng

B. Từ ý tưởng kinh doanh có thể xác định được mặt hàng kinh doanh, cách thức kinh doanh, mục tiêu kinh doanh

C. Từ ý tưởng kỉnh doanh chỉ xác định được các cách thức kinh doanh

D. Từ ý tưởng kinh doanh sẽ chỉ xác định được mục tiêu muốn kinh doanh

**Câu 80.** **Anh N kinh doanh mĩ phẩm. Vốn là một người khéo léo trong giao tiếp và thuyết phục khách hàng nên công việc của anh khá thuận lợi. Anh đã hợp tác được với một số thương hiệu nổi tiếng và công việc kinh doanh của anh ngày càng tốt lên. Những thông tin trên nói về năng lực kinh doanh nào của anh N?**

 A. Năng lực thiết lập quan hệ. B. Năng lực tổ chức, lãnh đạo.

C. Năng lực trách nhiệm với xã hội D. Năng lực phân tích và sáng tạo.